

Bản án số: 13/2017/HSST

Ngày: 25/9/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Thanh Phong**.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Nông dân huyện Mỹ Tú.

2. Ông **Trần Văn Lâm**.

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

Nơi ở: Ấp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Danh Thành Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác là C), sinh năm 1960, tại huyện C, tỉnh Sóc Trăng; trú tại ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa 02/12; dân tộc Kinh; con ông Nguyễn Văn T (c) và bà Huỳnh Thị T (c); có vợ Nguyễn Thị N và 01 con; tiền sự có 01 tiền sự, vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 bị Trưởng công an xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt xong vào ngày 13 tháng 01 năm 2017; tiền án có 02 tiền án, vào năm 1993 bị Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 06 năm tù về tội trộm cắp tài sản công dân và trốn khỏi nơi giam, chấp hành xong hình phạt tù vào năm 1996 và đến ngày 08 tháng 5 năm 1998 bị Tòa án nhân dân tỉnh S xử phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản công dân, 07 năm tù về tội chiếm đoạt, tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép, 03 năm

tù về tội cướp giật tài sản công dân, 12 năm tù về tội cướp tài sản công dân và tù chung thân về tội giết người, tổng hợp hình phạt chung là tù chung thân, chấp hành xong hình phạt vào ngày 01 tháng 5 năm 2015; bị bắt tạm giữ ngày 01 tháng 7 năm 2017, sau đó chuyển qua tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1980; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1983; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Ông Lê Thanh N, sinh năm 1986; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

4. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1939; cư trú tại ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 6 năm 2017, sau khi đi xe đạp từ Trà Quýt (thuộc huyện C, tỉnh Sóc Trăng) đến khu vực thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, H ghé vào chòi lá bỏ hoang ven đường Tỉnh lộ 940 ngủ. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 01 tháng 7 năm 2017, H thức dậy, tiếp tục đạp xe đạp đến khu vực ấp M, xã M, huyện M. Lúc này, H phát hiện nhà sau của bà C không đóng cửa nên lén vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 108 màu đỏ, sau đó tiếp tục vào nhà ông T rạch mùng lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng, vào nhà ông Đ lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viền đỏ. Sau khi lấy được 03 cái điện thoại, H cho vào bọc nylon cột lại và giấu trong đồng rác cặp Tỉnh lộ 940. Tiếp tục nhìn sang bên sông, H thấy nhà ông N không đóng cửa, còn sáng đèn, H qua sông, vào nhà ông N lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia X2 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee màu đen. Sau đó, H quay lại chỗ cất giấu điện thoại ban đầu bỏ thêm 02 điện thoại mới lấy được vào bọc nylon rồi treo trên xe đạp. H tiếp tục quay lại tìm tài sản để lấy thì phát hiện có ánh đèn pha nên trốn vào bụi chuối cặp Tỉnh lộ 940. Khoảng 30 phút sau, H quay lại chỗ để xe đạp thì bị ông N, ông T phát hiện đuổi bắt, H trốn dưới đám lục bình. Đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày thì bị bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG.TS ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện M kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, giá trị còn lại của điện thoại di động hiệu Nokia 108 màu đỏ là 337.500 đồng, điện thoại di động hiệu Masstel màu đen, viền đỏ là 100.000 đồng, điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng là 960.000

đồng, điện thoại di động hiệu Nokia Lumia X2 màu đen là 500.000 đồng và điện thoại di động hiệu Gionee màu đen là 720.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của các tài sản tại thời điểm H chiếm đoạt là 2.617.500 đồng.

Trong quá trình điều tra:

- H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.
- Về bồi thường thiệt hại: Những người bị hại không yêu cầu gì.
- Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi 05 điện thoại di động nêu trên và đã trả lại cho những người bị hại xong. Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của H 01 chiếc xe đạp màu trắng đã qua sử dụng và 01 giấy chứng minh nhân dân số 366262364 (chưa xử lý).

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng đã truy tố.
- Người bị hại gồm ông Đ, ông T, ông N và bà C đều không yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại.
- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Vào rạng sáng ngày 01 tháng 7 năm 2017, bị cáo H đã có hành vi lén lút lên vào nhà bà C lấy 01 điện thoại di động hiệu Nokia 108 màu đỏ, vào nhà ông T lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng đồng, vào nhà ông Đ lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, viên đỏ, vào nhà ông N lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Lumia X2 màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Gionee màu đen. Theo bản kết luận định giá tài sản số

23/KLĐG.TS ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện M thì tổng giá trị các tài sản tại thời điểm bị cáo H chiếm đoạt là 2.617.500 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo có 02 tiền án, cụ thể là vào năm 1993, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh C xử phạt 06 năm tù về tội trộm cắp tài sản công dân và trốn khỏi nơi giam, chấp hành xong hình phạt tù vào năm 1996; đến năm 1998, bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản công dân, tội chiếm đoạt, tàng trữ, sử dụng vũ khí trái phép, tội cướp giết tài sản công dân, tội cướp tài sản công dân và tội giết người, bị Tòa án nhân dân tỉnh S xử phạt tù chung thân, mới chấp hành xong hình phạt vào ngày 01 tháng 5 năm 2015, chưa được xóa án tích, nay lại phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo là thuộc tình tiết định khung tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2] Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: “2. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm: c) Tái phạm nguy hiểm;.....*”.

[3] Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo H về tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi phạm tội của bị cáo H là gây nguy hại lớn cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém, không biết ăn năn hối cải. Do đó, cần thiết phải xử lý thật nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian hợp lý, để nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật. Tuy nhiên, về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại do tài sản bị cáo chiếm đoạt bị người bị hại phát hiện, đuổi bắt và lấy lại kịp thời; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”. Do đó, bị cáo H có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo H từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Những người bị hại gồm bà C, ông T, ông N, ông Đ đã lấy lại được tài sản và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án: Đối với 01 chiếc xe đạp màu trắng đã qua sử dụng. Đây là phương tiện phạm tội của bị cáo H nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân số 366262364 mang tên Nguyễn Văn H. Đây là giấy tờ cá nhân của bị cáo H, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo H.

[9] Về án phí: Bị cáo H là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Văn H** (tên gọi khác là **C**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 01 tháng 7 năm 2017).

2. Về bồi thường thiệt hại:

Người bị hại bà Huỳnh Thị Kim C, ông Trần Văn T, ông Lê Thanh N và ông Nguyễn Văn Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về xử lý vật chứng và các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe đạp màu trắng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 366262364 mang tên Nguyễn Văn H.

4. Án phí:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- CQ.THAHS Công an huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm